

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/7/2022

V/v “Tranh chấp về hôn nhân và  
gia đình - xin ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Châu Văn Sang**;
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  - 1. Ông **Phạm Phước Tâm**;
  - 2. Bà **Võ Thị Diệp**.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Bích Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc “Xin ly hôn và nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2022/QĐHPT- ST ngày 21 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Lê Thị Thanh T**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp BH, xã BT, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

- Bị đơn: **Trần Tấn TT**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp BH, xã BT, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

*(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh TT vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T trình bày:**

- Về hôn nhân: Vợ chồng quen biết nhau vào năm 2010, vợ chồng được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình

Thanh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng từ năm 2021 đến nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn mà không thể nào giải quyết được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể nào tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Tấn TT.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Tú T1 sinh ngày 13/3/2011, Trần Tấn L, sinh ngày 12/10/2012. Hiện nay con chung đang sống với chị T, anh TT. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh TT cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

- Anh Trần Tấn TT vắng mặt khi hòa giải cũng như xét xử nên không có lời trình bày.

*\* Các TT liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của (bản photo);

- Giấy khai sinh bản sao;

- Giấy chứng nhận kết hôn( bản sao);

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các TT liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn kiện của chị Lê Thị Thanh T và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hôn nhân gia đình về xin ly hôn và nuôi con. Địa chỉ của bị đơn anh Trần Tấn TT tại xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh TT.

[2] Về nội dung:

Chị Lê Thị Thanh T và anh Trần Tấn TT chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh vào năm 2010 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2021 thường xảy ra mâu thuẫn không thể giải quyết, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung với nhau. Điều này, cho thấy hôn nhân giữa anh chị không đạt được mục đích. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn anh TT thấy có căn cứ để chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Tú T1 sinh ngày 13/3/2011 và Trần Tấn L, sinh ngày 12/10/2012 hiện đang sống cùng cha mẹ. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi 02 cháu không yêu cầu anh TT cấp dưỡng. Để đảm bảo cuộc sống tinh thần cũng như vật chất và đáp ứng theo nguyện vọng của 02 cháu nên tiếp tục để chị T nuôi dưỡng, anh TT không phải cấp dưỡng vì chị T không yêu cầu.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không thiếu nợ ai, cũng không cho ai nợ.

[3] Về án phí:

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án chị Lê Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007196 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 08, 09, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

#### ***Tuyên xử***

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Lê Thị Thanh T.
- Về hôn nhân: chị Lê Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Tấn TT.
- Về con chung:

Chị Lê Thị Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Thị Tú T1, sinh ngày 13/3/2011 và Trần Tấn L, sinh ngày 12/10/2012. Anh Trần Tấn TT không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Anh Trần Tấn TT có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về TT sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị Lê Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007196 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chị T và anh TT được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKSND HCL;
- Đường sự;
- Chi cục THADS HCL;
- UBND xã Bình Thạnh, HCL;
- Lưu HSVA.

Đã ký

**Châu Văn Sang**

